

Bản án số: 96/2023/DS-ST
Ngày: 26-9-2023.
V/v “tranh chấp hợp đồng
gia công nội thất cửa gỗ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Thành Công.
2/. Ông Nguyễn Văn Điền.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng gia công nội thất cửa gỗ*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 489/2023/QĐXXST-DS, ngày 25/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 495/2023/QĐST-DS, ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lâm Hữu Đ, sinh năm 1982 (có mặt).
Địa chỉ: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: ông Bùi Thái N, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Hữu Đ là nguyên đơn trình bày: Vào tháng 6 năm 2022 vợ chồng ông có mua nhà tại khu dân cư H, phường D, thành phố T, do điều kiện kết cấu hạ tầng chưa hoàn tất, ông có thuê ông Bùi Thái N gia công lắp ráp cửa gỗ toàn bộ căn nhà gồm 01 cửa chính, 04 cửa phòng ngủ, 02 cửa toilet, 01 bộ cửa sổ, toàn bộ gỗ ông đem đến cho ông N gia công khoảng 06m³ gỗ với thỏa thuận chi phí đối với công việc số tiền là 21.680.000 đồng, cũng vào tháng 6 ông đã đặt cọc trước cho ông N số tiền là 15.270.000 đồng, vào ngày 29/10/2022 ông đã đưa hết số tiền còn lại là 6.410.000 đồng như thỏa thuận, tổng 02 lần đưa là 21.680.000 đồng như thỏa thuận lúc đầu, việc giao tiền nêu trên ông có lập giấy cam kết ngày 29/10/2022 làm bằng chứng ông N ký tên ghi họ tên, đồng thời ông N đã ký và cam kết sẽ hoàn thành toàn bộ công việc như đã thỏa thuận, cụ thể gồm lắp ráp

hoàn chỉnh 01 cửa chính, 04 cửa phòng ngủ, 02 cửa toilet trước ngày 09/11/2022 cho ông, trường hợp ông N không hoàn thành trước ngày 09/11/2022 như cam kết thì ông N có trách nhiệm hoàn lại số tiền 21.680.000 đồng mà ông N đã nhận của ông trước đó. Đến ngày 09/11/2022 ông N xuống ráp 01 cửa chính, 04 cửa phòng ngủ, 02 cửa toilet, cửa chính gắn nhưng chưa hoàn thiện còn thiếu 04 khung gỗ chưa làm và nẹp cửa đã làm không chịu ráp, 01 bộ cửa sổ không chịu làm cho ông, ông N yêu cầu ông đưa thêm tiền mới làm, ông không đồng ý nên ông N bỏ luôn không chịu làm và hoàn thiện các cửa cho ông, ông N cho rằng 04 khung cửa chính ngoài phạm vi của bộ cửa nên không chịu làm, nay 04 khung cửa chính này ông vẫn để nguyên không có kêu thợ lại để sửa chữa, khi ông N không chịu làm tiếp cho ông, ông có xuống nhà ông N chở gỗ dư còn lại đem về. Trong tờ cam kết ngày 29/10/2022 ông ghi thiếu 01 bộ cửa sổ, nhưng trong số tiền 21.680.000 đồng ông đưa cho ông N có tính luôn tiền gia công 01 bộ cửa sổ.

Tuy nhiên đến nay ông N đã không thực hiện công việc như đã thỏa thuận trong giấy cam kết mà ngược lại còn bỏ ngang, ông đã nhiều lần gọi điện và đến nhà yêu cầu ông N hoàn tất công việc còn lại nhưng ông N không đồng ý còn thách thức chửi bới ông, nhận thấy hành vi của ông N không thực hiện công việc trong khi đã nhận đủ tiền của ông là vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông, nên ông làm đơn khởi kiện ông N tại Tòa án huyện Càng Long.

Nay ông yêu cầu ông Bùi Thái N trả lại số tiền 21.680.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Ông Bùi Thái N là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Bùi Thái N là bị đơn vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay ông Bùi Thái N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 20.023.000 đồng, không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể không có mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 91, 92, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 542, 543, 544, 545, 546, 549, 550, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Hữu Đ.

Buộc ông Bùi Thái N có nghĩa vụ trả cho Lâm Hữu Đ tiền gia công cửa sổ và chi ốp khuôn bao là 1.657.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện số tiền 20.023.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí, chi phí thẩm định: Buộc Bùi Thái N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng gia công nội thất cửa gỗ” thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa ông Lâm Hữu Đ rút lại không yêu cầu ông Bùi Thái N trả tiền lại số tiền 20.023.000 đồng, căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu của ông Đ đã rút so với đơn khởi kiện ban đầu.

Ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N trả lại tiền gia công cửa sổ là 1.327.000 và chi ốp khuôn bao cửa sổ là 330.000 đồng, tổng cộng là 1.657.000, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thu thập cung cấp giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ông Lâm Hữu Đ đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình bằng báo giá chi tiết gia công nội thất cửa gỗ do ông N gửi báo giá gia công các cửa gỗ, giấy cam kết ngày 29/10/2022 do ông Đ làm và ông N ký tên vào cam kết đến ngày 09/11/2022 giao gồm 01 cửa chính, 04 cửa phòng ngủ, 02 cửa toilet, ông Đ cho rằng trong giấy cam kết đánh thiếu 01 bộ cửa sổ, tổng số tiền gia công là 21.680.000 đồng, hai bên thỏa thuận nếu ông N không hoàn thành trước ngày 09/11/2022 thì ông N sẽ bồi thường cho ông Đ số tiền 21.680.000 đồng, mẫu cửa thì ông Đ lấy ở trên mạng gửi qua Zalo cho ông Đ làm theo mẫu, đến ngày 09/11/2022 ông N xuống ráp 04 cửa phòng ngủ, 02 cửa toilet, 01 cửa

chính, nẹp cửa có làm nhưng không gắn vào cửa chính, không làm 04 khuôn bao trên cửa chính và 01 cửa sổ mặc dù còn dư gỗ, ông Đ yêu cầu ông N làm nhưng ông N không chịu làm cho rằng 04 khuôn bao nằm ngoài phạm vi cửa chính nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Xét thấy qua đối chiếu bảng báo giá cửa chính thể hiện ở mục 01 gồm cửa 4 cánh, 2 cánh bìa nhỏ, 2 cánh giữa to; mục 02 chỉ hộp khuôn bao ốp tường, không có báo giá 04 khuôn bao trên cửa chính và nẹp cửa chính ở phía trong, đối chiếu với giấy cam kết ngày 29/10/2022 thể hiện ông N nhận lắp cửa gỗ toàn bộ căn nhà gồm 01 cửa chính, 04 cửa phòng ngủ, 02 cửa toilet, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2023 thì 04 cửa phòng ngủ, 02 cửa toilet đã làm hoàn thiện ông Đ không có ý kiến, còn cửa chính thiếu 04 khuôn bao chưa làm, nẹp cửa ở phía trong có làm nhưng không gắn vào cửa chính, đối chiếu với bảng báo giá và giấy cam kết không có thể hiện khuôn bao và nẹp cửa của cửa chính, như vậy ông N đã lắp các cửa đúng theo giấy cam kết giữa 02 bên, theo bảng báo giá còn thiếu mục 20 cửa sổ, mục 21 chỉ ốp khuôn bao cửa sổ ông N không làm là vi phạm theo bảng báo giá, nay ông Đ yêu cầu ông N trả lại tiền gia công cửa sổ và chỉ ốp khuôn bao cửa sổ số tiền là 1.657.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông Bùi Thái N có nghĩa vụ trả lại cho ông Lâm Hữu Đ số tiền gia công là 1.657.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 549, 550 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 158, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lâm Hữu Đ.

Buộc ông Bùi Thái N có nghĩa vụ trả lại cho ông Lâm Hữu Đ số tiền gia công cửa sổ và chỉ ốp khuôn bao là 1.657.000 đồng (*Một triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ phần yêu cầu ông Lâm Hữu Đ đã rút so với đơn khởi kiện ban đầu số tiền 20.023.000 đồng.

3. Về án phí: ông Bùi Thái N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Ông Lâm Hữu Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Lâm Hữu Đ 542.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/ 0013727, ngày 30/01/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 800.000 đồng (*T trăm nghìn đồng*). Buộc ông Bùi Thái N phải chịu 800.000 đồng, ông Đ được nhận lại tiền tạm ứng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ 800.000 đồng khi ông N nộp tại chi Cục thi hành án dân sự huyện Càng Long.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

Lê Thị Trúc Linh